



VẤN ĐỀ “DỰ BÁO” TRONG VĂN XUÔI TỰ SỰ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM NHÌN TỪ TIỀN ĐỀ LỊCH SỬ, XÃ HỘI, VĂN HOÁ

Trần Thị Thanh Nhị*

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 34 Lê Lợi, Tp. Huế, Việt Nam

Tóm tắt. Dự báo xuất hiện trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam không phải là hiện tượng có tính ngẫu nhiên mà nó là kết quả của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, của nội sinh và ngoại nhập. Bài viết này tập trung phân tích các tiền đề kinh tế, văn hoá, xã hội thời trung đại làm nền tảng hình thành nên dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam.

Từ khóa: Dự báo, văn xuôi tự sự, thần quyền

1. Mở đầu

Dự báo là một hoạt động phổ biến trong các nền văn hoá nhằm tránh hoạ cầu phúc được phát triển từ thời nguyên thủy, trung cổ. Sự đa dạng của các nền văn hoá là một trong những nguyên nhân tạo nên sự phong phú, sinh động và phức tạp của dự báo. Tìm hiểu dự báo thế giới, đặt trong sự so sánh phương Tây và phương Đông, có thể thấy, về hệ hình thì dự báo thế giới có sự tương đồng về dạng loại dựa vào dấu hiệu có sẵn, dựa vào tiếp xúc thế giới siêu nhiên, dựa vào các phương pháp nhân tạo. Tuy nhiên, do chịu sự chi phối, ảnh hưởng của văn hoá mà mỗi nơi có những biểu hiện và cách lí giải dự báo khác nhau. Ở Việt Nam, dự báo đã ra đời từ rất sớm với các phương thức, kiểu loại phong phú, đa dạng. Hệ thống dự báo của người Việt, về cơ bản được tiếp thu từ truyền thống dự báo của Trung Hoa. Tuy nhiên, trong quá trình tiếp nhận, người Việt cũng có những biến đổi nhất định để phù hợp, tương thích với văn hoá bản địa, đồng thời, cũng sáng tạo cho riêng mình những hình thức dự báo riêng, mà tiêu biểu và nổi tiếng nhất là *bói Kiều*. Sự khác biệt của dự báo trong văn học, văn hoá Việt chịu sự chi phối của nhiều yếu tố, một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu là do ảnh hưởng của tiền đề lịch sử, xã hội, văn hoá và văn học. Tuy nhiên, trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung vào nghiên cứu, lí giải các tiền đề lịch sử, xã hội, văn hoá.

*Liên hệ: thanhnhidh@gmail.com

Nhận bài: 22-11-2020; Hoàn thành phản biện: 9-12-2020; Ngày nhận đăng: 23-12-2020

2. Nội dung

2.1. Tiền đề lịch sử, xã hội

Về lịch sử, xã hội có thể nhận thấy sự tồn tại của chế độ quân chủ phong kiến trung ương tập quyền là hiện thực lịch sử Việt Nam mười thế kỉ và là một trong những nguyên nhân hình thành dự báo trong văn học. *Chính quyền phong kiến sớm nhận thấy sức mạnh của vương quyền* không chỉ ở luật pháp mà còn ở thần quyền, tâm linh. Họ ý thức hơn ai hết sự ổn định, nền độc lập cần đến sự phục tùng, ủng hộ của dân chúng và sự bền vững của ngai vàng cần phải có *ý thức hệ* nối kết con người. Chủ nhân của ngôi vị vì thế ngoài *quyền lực cứng* là sức mạnh của quân sự, luật pháp thì còn rất cần đến *quyền lực mềm* là tâm linh: “Cho nên Đinh Bộ Lĩnh dẹp tan các sứ quân thì ngoài cái uy chuông cọp, vạc đầu còn có sự ủng hộ của tập đoàn tăng đạo” [9, tr. 110]. Những trình bày về các hoạt động của các nhà thiên văn học và chiêm tinh học chuyên nghiệp được sử dụng bởi các nhà cầm quyền Việt Nam có thể được tìm thấy trong các hồi ký của các Tu Sĩ Dòng Tên người Ý, Christophoro Borri (1583-1632) và Giovanni Filippo de Marini (1608-1682), những người đã lần lượt đến thăm Đàng Trong: Cochinchina (Trung Kỳ Việt Nam) và Đàng Ngoài: Tonkin (Bắc Kỳ Việt Nam). Sự mô tả của Borri cho thấy rằng không chỉ Chúa Đàng Trong (Cochinchina), mà cả các ông hoàng, đều có các nhà chiêm tinh riêng của mình với công việc gồm cả sự tính toán các vụ nhật thực; de Marini mô tả một nghi thức đặc biệt được giả định sẽ được thực hiện bởi nhà vua trong ngày có nhật thực. Các mô tả này cho thấy rằng vào khoảng thế kỷ thứ XVII, các nhà thiên văn học Việt Nam thụ hưởng một quy chế quan chức khá cao, rằng họ đã sử dụng các phương pháp của Trung Hoa về sự tiên đoán các vụ nhật thực và rằng đôi khi họ không thể điều chỉnh một cách chính xác các phương pháp này với các vị trí (có nghĩa miền bắc và miền trung Việt Nam) nơi mà các vụ nhật thực được giả định sẽ được quan sát [1].

Những truyền thuyết, giai thoại về nguồn gốc xuất thân kì lạ, nguồn gốc thiêng liêng của vương triều, tướng kì tài cao, sự lên ngôi tiền định, được thần phò trợ chiến thắng được lan rộng không chỉ qua truyền miệng mà còn bằng chính sử, dã sử, là một trong những phương cách quan trọng mà giai cấp thống trị sử dụng để củng cố sức mạnh và kiểm tỏa sự chống đối của người dân. Đến giai đoạn lịch sử được đánh dấu từ triều Trần, sức mạnh của vua không chỉ dựa vào các thế lực thần thánh siêu nhiên nữa, mà chính vua là chủ nhân của các thế lực ấy: “Vua chuyên chế còn là chủ của các lực lượng siêu tự nhiên, tự mình nắm giữ cả hoàng quyền và thần quyền. Vua sắc phong cho bách thần, giao riêng cho bộ phụ trách (bộ Lễ), ra oai giáng hoạ hay ban ân cho thần thánh trong lãnh thổ” [8, tr. 17]. Việc vua phong thần thánh, sắc phong cho các thần linh, chuyện hiển linh của các thần càng chứng minh cho sức mạnh, vị thế của vua. Hiện thực đời sống và hiện thực đời sống tâm linh thời đại đã in đậm dấu vết trong những tác phẩm văn học trung đại, đặc biệt là văn xuôi tự sự: “Mục đích xuyên suốt và rõ ràng trong *Lĩnh*

Nam chích quái không chỉ đơn thuần là sưu tầm, biên soạn hay bảo tồn các sáng tác dân gian, mà sâu xa hơn... đều nhằm tới việc xây dựng và củng cố quyền lực phong kiến trên hai bình diện chính: kiến tạo một ý niệm chính thống về vương quyền và độc tôn các giá trị của ý thức hệ Nho giáo (học thuyết đã từng bước chiếm lĩnh vị trí trung tâm trong đời sống chính trị, bối cảnh tư tưởng và sinh hoạt xã hội vào giai đoạn mà văn bản tác phẩm được hình thành) [7, tr. 89]. Công việc xây dựng tự điển (thể lệ về việc thờ cúng bách thần ở các đền miếu, lai lịch hành trạng bách thần ghi chép thành thần tích, ngọc phả) một mặt thể hiện niềm tự hào chân thành về lịch sử, về đất nước, nhưng mặt khác lại nhằm lấy uy thế của thần linh tăng cường cho uy thế của vương triều. Cũng một phần vì thế mà nhiều thần thoại và truyện cổ tích lịch sử đã dần dần được ghi chép [10, tr. 155].

Để bảo vệ sức mạnh vương triều thì việc tuyển chọn, sử dụng người vào bộ máy nhà nước để giúp vua cai trị cũng hết sức quan trọng. Dưới triều nhà Lý, nhà Trần, ba hệ tư tưởng là Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo đều được coi trọng. Từ thế kỉ XIV, nhà nước phong kiến bắt đầu chọn Nho giáo làm hệ tư tưởng chính thống, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ nhà Nho ngày càng phát triển. Thể chế phong kiến lựa chọn Nho giáo làm quốc giáo là một lựa chọn phù hợp với hình thái chính trị của mình: “Về phương diện tôn giáo, Nho giáo biện minh cho quyền thống trị của hoàng đế bằng nghi lễ tế trời, với thuyết thiên mệnh, biện minh vua là thiên tử - con trời, nhận được mệnh (sự uỷ quyền của trời cai trị thiên hạ), có toàn quyền với đất đai, sông núi, thần dân, do đó mà bảo vệ chế độ sở hữu ruộng đất (công điền, công thổ) của triều đại” [4, tr. 189]. Về phương diện thiết lập chế độ chuyên chế, Nho giáo chủ trương xây dựng nền đạo đức chính danh bằng nhân và lễ, duy trì trật tự quyền lực trên dưới bằng cách tạo dựng mối quan hệ hài hoà giữa các tầng lớp, giai cấp, bảo vệ chế độ chuyên chế. Nhà Nho dùng văn chương để hành đạo, mà một trong những chức năng lớn nhất là hành đạo, bảo vệ giai cấp, tuyên truyền tư tưởng thiên mệnh...

Lịch sử mười thế kỉ trung đại Việt Nam gắn với việc hưng phế, thành bại của các dòng tộc, triều đại. Lịch sử của văn học trung đại cũng song hành cùng quá trình phát triển ấy. Những sự kiện lịch sử kinh động thời đại thường được các nhà văn tái hiện gắn với các yếu tố liên quan đến dự báo (vừa giải tỏa, thỏa mãn nhu cầu tâm lí, vừa phản ánh hiện thực, lí giải lịch sử, vừa báo trước tương lai theo cách của văn học). Lịch sử phát triển của các tập đoàn phong kiến tuân theo quy luật của đồ thị hình Sin: khởi đầu, phát triển đến đỉnh cao, thoái trào và diệt vong sau đó có một tập đoàn khác lên thay thế, cứ như vậy vận hành qua mười thế kỉ. Trong giai đoạn lịch sử có nhiều biến động, rối ren, thay ngôi đổi chúa quá chóng vánh “Năm sáu đời vua sao chóng ghê” (Phạm Thái), nhất là các giai đoạn Lê – Mạc (thế kỉ XVI), Lê – Trịnh – Nguyễn – Tây Sơn (Thế kỉ XVIII), bên cạnh những con người hồ hởi lập thân, xông pha với thời cuộc để thử sức, thử tài thì có một bộ phận tìm con đường ẩn dật, rời xa cõi tục. Trước những thay đổi đến bàng hoàng của

thời đại, nhiều người trong số họ, không chấp nhận được, cũng không nhìn thấy đó là quy luật biến thiên của lịch sử nên tìm đến thế giới siêu hình để tìm lời giải đáp. Ngôi báu có được của họ này hay họ kia có được là nhờ có đất để mà tốt... Một bộ phận sáng tác văn học thời kỳ này đã phản ánh rõ tâm lí trên. Mặt khác, không thể phủ nhận một hiện thực của văn học thời kỳ khủng hoảng, biến động của giai cấp phong kiến là sự phát triển bùng nổ lên đến đỉnh cao của truyện truyền kì với các yếu tố kỳ ảo. Các nhà văn tìm đến thế giới siêu hình để bù đắp những mất mát của hiện tại, để giải đáp những điều khúc mắc không thể dùng hiện thực lí giải. Cũng thông qua thế giới kì ảo, các nhà văn khéo léo phản ánh và tái hiện lại hiện thực cuộc sống đương thời và phần nào dự báo những đổi thay của hiện thực ấy mà không sợ chính quyền kiểm duyệt.

Tác gia trung đại không chỉ có tư thế của nhà đạo đức chính trị: cuộc sống thực tế hiếm khi thuận lợi, hanh thông, học hành thi cử để ra làm quan, nhưng có khi không ra làm quan mà phải hành nghề khác để kiếm sống – làm thầy dạy học, thầy thuốc, thầy lý số. Vì thế, nhà Nho cũng trang bị cho mình một vốn kiến thức khác. Theo Trần Đình Hượu: “Trong cuộc đời không phải nhà Nho nào cũng tiến, cũng đạt. Có kẻ làm quan, làm thầy mà số đông thì phải... làm các nghề khác: thầy thuốc, thầy số, thầy địa lý... Làm nghề y, lý số tất phải biết âm dương, ngũ hành”. (Ở Việt Nam, đoàn cống sứ năm 1760-1762 do Chánh sứ Trần Huy Mật, Phó sứ Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ dẫn đầu, khi hoàn thành nhiệm vụ trở về đã mang theo một số sách mua ở Trung Quốc, trong đó có sách về huyền học. Trần Huy Mật mua *Tử vi đẩu số*, *Địa lý tuyệt tâm*; Lê Quý Đôn mua *Tử vi đẩu số*, *Mai hoa Dịch số*) [2]. Những tư tưởng đó không chỉ được thực hành trong đời sống mà còn in dấu vết trong sáng tác văn chương.

Chuyện khoa cử, quan trường là một trong những vấn đề thời sự của thời bấy giờ. Bản chất của Nho giáo không tin thần quái, nhưng các Nho sĩ (nhất là Nho sĩ bình dân) trên một khía cạnh tâm lí nào đó (trong đó có sự tác động đến kết quả khoa bảng) lại tin tưởng vào tín ngưỡng dân gian, vào những dự báo, phương cách đạt được sự hiển đạt: “Nho giáo mang tính duy lí, tự căn bản đã hoài nghi thần linh, nhưng tuy Nho sĩ Việt có kiêu ngạo vì kiến thức, vì hiệu quả công tác trị nước, vì địa vị có thực hay giả định có tầm vươn tới khoa bảng, họ cũng vẫn là những con người riêng lẻ, càng về sau càng có thể từ đám bình dân nổi lên, nên dễ chia sẻ quan niệm thần linh của dân chúng gần gũi hay đậm màu Đạo giáo phương sĩ. Họ chú trọng riêng biệt đến những tin tưởng đem lại thích ứng với tập thể chung quanh, hay đem lại lợi ích cho sự thăng tiến của chính bản thân họ. Do đó, theo với sự thăng tiến của tầng lớp Nho sĩ, cũng phát triển đến mức phổ biến quan niệm về thần đất mà tác động ma thuật sẽ làm kích thích hiệu năng” [9, tr. 199]. Sự phổ biến khoa địa lí phong thủy là do tầng lớp Nho sĩ đang lên từ thế kỉ XV, thấy có thể nương theo khả năng siêu linh đó để đem lại thăng tiến cho tầng lớp mình. Họ ra công học hỏi, tìm kĩ thuật tối ưu và truyền lại nơi cửa miệng, trong sách vở những câu chuyện về danh gia vọng tộc này có đất tiến sĩ, cá nhân kia nhờ táng vào hàm rồng bởi một

dịp làm ơn tình cò cho một thầy địa lí ẩn danh. Mặt khác, hiện thực thi cử xã hội phong kiến có những giai đoạn đi vào trì trệ, nhất là vào thời chúa Trịnh. Để giải thích hiện tượng thi đỗ của những kẻ không có thực học, các tác giả phải viện đến lí do tâm linh.

Môi quan hệ về chính trị, xã hội, văn hoá với Trung Quốc cũng là một yếu tố quan trọng hình thành các phương thức dự báo (CPTDB). Trong một tài liệu đề năm 1107 có lưu ý rằng, các sứ giả Việt Nam sang Trung Hoa đã cố tìm mua sách thuộc nhiều khoa học và rằng họ được phép để mua mọi văn bản ngoại trừ các sách được xem “bị cấm đoán”, tức là liên quan đến thuật bói toán, yin-yang (âm dương), niên lịch và số mệnh học (numerology); chính sự lưu ý này xem ra làm ta suy nghĩ rằng các sứ giả đã đặc biệt chú ý đến các sách về các đề tài này. Các nỗ lực để thụ đắc các sách vô liên hệ đến các niên lịch (và, với nhiều xác suất nhất, đến chiêm tinh học) tiếp tục cho đến đầu thế kỷ thứ XIV. Theo các sự tường thuật quy ước, một số lượng lớn lao các sách trong các thư viện chính quyền Việt Nam đã bị mất vì cháy hay tịch thu bởi quân xâm lược Trung Hoa hồi cuối thế kỷ thứ XIV – đầu thế kỷ thứ XV. Nếu, theo các truyền thuyết, vụ hỏa hoạn xảy ra trong cuộc lục soát kinh đô bởi người Chàm hồi năm 1371 đã hủy diệt bừa bãi một số không rõ các thư viện, quân xâm lăng Trung Hoa đã tịch thu theo lời cáo giác một số lượng lớn lao các quyển sách và chuyển chúng về Trung Hoa, đã nhầm, với nhiều xác suất nhất, một cách đặc biệt vào các sách vô bị nhìn như khẳng định một cách biểu trưng sự độc lập của quốc gia Việt Nam, mà trước tiên là các niên sử địa phương, các sách lịch, các văn bản thiên văn học và chiêm tinh học [1, tr. 43].

2.2. Tiền đề văn hoá

2.2.1. *Ảnh hưởng của tín ngưỡng văn hoá bản địa:* Khác với các tôn giáo, triết học như Nho, Phật, Đạo được tiếp nhận, tiếp biến từ bên ngoài vào đời sống văn hoá nước ta, tín ngưỡng bản địa là sản phẩm tinh thần được người Việt sáng tạo nên trong quá trình sinh sống, lao động sản xuất, kết tinh đời sống vật chất và tinh thần của họ. Cơ sở của tín ngưỡng bản địa dựa trên nền văn minh lúa nước, của văn hoá gốc nông nghiệp mà đặc trưng cơ bản nhất là *tín ngưỡng thờ đa thần (bao gồm cả nhiên thần, nhân thần). Tín ngưỡng thờ nhiên thần (thờ thần tự nhiên)* bắt nguồn từ điều kiện khách quan, điều kiện nhiệt đới gió mùa với nhiều biến động dữ dội của thời tiết. Cư dân Việt làm ăn, sinh sống lệ thuộc chủ yếu vào thiên nhiên “trông trời, trông đất trông mây”, tâm lí phụ thuộc, ý thức tôn sùng tự nhiên. Trong tư duy của cư dân nông nghiệp, họ xem trời, đất, nước đến các hiện tượng tự nhiên mây, mưa, sấm chớp... là những vị thần với sức mạnh siêu nhiên ảnh hưởng, chi phối, định đoạt cuộc sống con người dẫn đến việc họ thờ phụng, cúng bái như Tứ pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện), Mẫu Tứ phủ (Mẫu Thiên, Mẫu Địa, Mẫu Thoải, Mẫu Thượng Ngàn). Khác với các cư dân văn hoá gốc du mục tôn thờ những con thú dữ như chó sói, đại bàng..., cư dân Việt thờ chủ yếu là các loài vật khá hiền lành vùng sông

nước, rừng núi như chim, rắn, cá sấu, “nhất điều, nhì ngư, tam xà, tứ tượng”. Người Việt cổ đã nâng các con vật này lên thành biểu tượng Tiên Rồng thể hiện qua truyền thuyết về thời Hồng Bàng. Ý thức về nói giống Tiên Rồng thể hiện niềm tự hào của người Việt về nguồn gốc xuất thân của mình. Trong các con vật thì rồng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Hình tượng rồng từ dân gian đi vào trong văn học thường gắn với những sự kiện quan trọng của dân tộc, hoặc những chuyện liên quan đến người đứng đầu đất nước. Bên cạnh đó, xuất phát từ cách nghĩ vạn vật hữu linh nên các cây cối, đặc biệt là các cây cổ thụ sống lâu năm (cây thi, cây đa, cây đề) được trồng nơi đền, chùa, miếu đều có thể thành tinh, có hồn riêng, hoặc được các thế lực thần ma trú ngụ. Các con vật, cây cối không chỉ tồn tại bình thường mà có linh hồn, sức mạnh, có thể tác động với cuộc sống con người. Những sự vật, hiện tượng trên trong suy nghĩ của người xưa không xa rời cuộc sống nhân gian mà dường như đi theo mọi hành động, suy nghĩ của con người để từ đó dẫn dắt, thưởng, phạt hoặc ra những dấu hiệu để báo cho con người biết phải làm thế nào cho đúng... Cũng từ suy nghĩ đó, dần dần con người tập và hình thành thói quen quan sát các hiện tượng tự nhiên để điều chỉnh cuộc sống của mình. Họ không chỉ tích lũy được một kho kinh nghiệm hết sức phong phú để sinh hoạt, cấy trồng kiểu như: Quạ tắm thì ráo, sáo tắm thì mưa; Được mùa lúa thì úa mùa cau, được mùa cau thì đau mùa lúa; Chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng, bay vừa thì râm... mà còn quan sát những điềm trời để biết họa phúc cá nhân và cộng đồng. Đây là một trong những tiền đề quan trọng hình thành nên dự báo trong nền văn hoá Việt Nam.

Tín ngưỡng thờ đa thần không chỉ thể hiện ở hệ thống thần tự nhiên mà còn thể hiện qua hệ thống nhân thần mở rộng phạm vi từ không gian gia đình đến dân tộc gồm tổ tiên, thổ công, thành hoàng làng, các anh hùng dân tộc, trong đó thờ cúng tổ tiên và thờ các anh hùng dân tộc đặc biệt quan trọng. Cơ sở của tín ngưỡng thờ cúng nhân thần bắt nguồn từ nhận thức về vật chất và tinh thần của con người. Tuy thuộc về thế giới khác, nhưng linh hồn vẫn tác động trực tiếp đến đời sống con người bằng gây họa hay tác phúc. Đây là cơ sở của lòng tin vào linh hồn, vào hiện tượng âm phù hình thành nên tín ngưỡng thờ cúng vong hồn người chết - hình thức tín ngưỡng cổ xưa nhất của loài người. Ở Việt Nam thờ cúng tổ tiên là một nét văn hoá truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc. Xuất phát từ nền kinh tế tiểu nông tự cung tự cấp, người Việt chủ yếu sống theo làng xã và hạt nhân cơ bản là hộ gia đình. Đây là mối liên kết các thành viên lại với nhau. Ý thức được công lao to lớn của cha mẹ bằng trời bằng bể, nên trong đạo lí truyền thống người Việt, khi cha mẹ còn sống thì phụng dưỡng, khi mất thì phụng thờ. Hầu hết các gia đình người Việt đều có bàn thờ, đây là hình thức thờ cúng bản địa sơ khai, mộc mạc nhất. Ý nghĩa của tín ngưỡng này là ở đạo lí uống nước nhớ nguồn, con cháu ý thức được công sinh thành, dưỡng dục của ông bà cha mẹ. Thờ cúng tổ tiên vừa rất thiêng liêng vừa rất bình dị, giàu tính thực tiễn ở chỗ một mặt nó thể hiện ý thức nguồn cội “chim có tổ, người có tông”, một mặt nó là cách giáo dục truyền thống cho thế hệ sau, một mặt khác thể hiện sự mong cầu người đã khuất vẫn

tiếp tục phù hộ để lại phúc lộc cho con cháu. Đặc biệt trong quan niệm tâm linh người trung đại (và đến tận ngày nay) người ta vẫn tin rằng, ông bà cha mẹ vẫn hiển linh để báo trước những cát/ hung, rủi/ may trong cuộc sống cho con cháu, giúp con cháu tránh được những điều không lành trong cuộc sống. Đây là một trong những cơ sở tồn tại quan trọng cho dự báo. Thờ cúng các anh hùng lịch sử - văn hoá: dựng nước và giữ nước luôn là hai nhiệm vụ trọng yếu của người Việt Nam suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Công lao của những anh hùng hào kiệt luôn được đất nước, nhân dân ghi nhớ. Họ đi vào lịch sử dân tộc như những huyền thoại và dân gian đã linh thiêng họ để phụng thờ, tưởng nhớ. Những nhân vật có thật trong lịch sử như Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Lê Lợi... đều đi vào cõi bất tử như những thần linh. Họ đều là những người “sống khôn thác thiêng”, lập nhiều công trạng lúc sống và hiển linh phù trợ giúp nước, giúp dân sau khi chết. Vì thế, để ghi nhớ công lao của họ, nhân dân đã lập rất nhiều đền thờ ngàn năm hương khói để tưởng nhớ. Thờ anh hùng lịch sử trong tín ngưỡng Việt mang nội dung văn hoá, lịch sử sâu sắc. Đó là thứ chủ nghĩa yêu nước được linh thiêng hoá, tâm lí hoá. Thiêng hoá, thần hoá các anh hùng vừa làm sâu sắc thêm đạo lý uống nước nhớ nguồn vừa thể hiện sự tôn kính trọng vọng hiền tài nhân kiệt của dân tộc. Điều đó tạo nên màu sắc riêng cho thiên nhiên, lịch sử Việt Nam. Trong tâm thức nhân dân, một trong những biểu hiện thể hiện sự phò trợ của các đấng anh hùng linh thiêng đó là họ vẫn tiếp tục âm phù, báo trước cho hoạ phúc nhân gian, cho cộng đồng. Đây là một trong những cơ sở quan trọng hình thành dự báo trong văn hoá Việt Nam. Điều này cũng được các nhà văn trung đại khai thác. Khi đi vào tác phẩm văn học trung đại, ta thường thấy xuất hiện các motif âm phù báo mộng giúp vua dẹp giặc, chọn nhân tài, hoạ phúc cộng đồng... Như vậy, có thể thấy nguồn gốc văn hoá nông nghiệp trồng lúa nước với sự sùng bái tự nhiên và con người mà tư tưởng chủ đạo chi phối là vạn vật hữu linh và thuyết mộng hồn là một trong những tiền đề quan trọng hình thành nên dự báo trong văn hoá và văn học.

2.2.2. *Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng Nho, Phật, Đạo*: Là một bộ phận của văn hóa trung đại, văn học trung đại không nằm ngoài qui luật chung chịu ảnh hưởng của các hệ tư tưởng, tôn giáo Nho – Phật– Đạo trong quá trình phát triển. Tư tưởng kinh điển và tôn giáo đã cung cấp cảm hứng, đề tài, chủ đề và gợi ý các thể loại văn học trung đại. Các tôn giáo và học thuyết Phật, Nho, Đạo đã ảnh hưởng và tạo nên những nét đặc thù trong quan niệm của người trung đại về bản chất vũ trụ, không gian và thời gian, thiên nhiên, con người. Tư tưởng tôn giáo và kinh điển còn đem lại hệ quả quan trọng như: phân biệt văn học linh thiêng và phàm tục; hạn chế sự biểu hiện cá nhân và ý thức cá nhân; mặt khác đem đến việc đề cao nội dung đạo đức và tính chất giáo huấn, văn học có mối quan hệ trực tiếp với tư tưởng. Những quan điểm này có quan hệ đến việc hình thành những đặc trưng về nội dung và hình thức nghệ thuật của văn chương trung đại. Vì vậy, muốn lí giải những vấn đề thuộc về bản chất của văn chương, cái hay cái đẹp

của tác phẩm văn chương thời trung đại tất yếu phải dựa trên những quan niệm nghệ thuật đặc thù về thế giới con người thời trung đại. Trên nền văn hoá tín ngưỡng bản địa đậm màu sắc Đông Nam Á, sự tiếp nhận tư tưởng Nho – Phật – Đạo càng làm cho văn hoá Việt Nam thêm đa dạng và phong phú. Đây cũng là một trong những tiền đề quan trọng hình thành nên dự báo trong văn hoá và văn học. Khi tìm hiểu cơ sở tiền đề cho dự báo chúng tôi nhận thấy *phần đóng góp của Nho, Phật, Đạo cho sự hình thành dự báo không nhiều trên vấn đề lí thuyết, lí luận, không ở khía cạnh triết học với sự nhận thức lí tính mà chủ yếu ở khía cạnh phát huy trong đời sống tâm linh*. Hay có thể hiểu một cách đơn giản, Nho, Phật, Đạo ở đây được tiếp nhận như là tín ngưỡng ở phần thực hành chứ không phải như là tôn giáo với hệ thống lí thuyết, lí luận, nhận thức lí tính.

Nho giáo: Về mặt lịch sử mà xét thì không thể xem Nho giáo là nguồn gốc sinh ra CPTDB. Lập trường triết học của Khổng Tử là bất khả tri với "linh hồn giáo cổ đại". Trong tác phẩm *Luận ngữ* không có một câu nào nói đến quan hệ giữa trời đất với con người, không nói đến cái chết, thần linh, các điềm báo trước, bói toán, chuyện quái lạ. Không những Khổng Tử không nói đến mà còn chống lại. Thái độ bất khả tri này được khẳng định rõ ràng ở Tuân Tử, là người thừa kế mật duy vật của ông. Không phải vô cơ mà Tuân Tử hết sức đề cao Khổng Tử nhưng lại kịch liệt mạt sát Mạnh Tử, tuy cả hai người đều tự xưng là thừa kế Khổng Tử. Tuy vậy, chúng ta không thể phủ nhận sự tác động, ảnh hưởng của Nho giáo đến CPTDB. Thời Hán với sự xuất hiện của Đổng Trọng Thư đã đưa Nho giáo sang một hướng khác, không nặng về duy lí như trước mà có phần duy tâm với các thuyết như thiên nhân tương dưỡng, hợp nhất. Một trong những vấn đề quan trọng trong đó là nói đến vua và mệnh trời. Trời đặt ra cho xã hội loài người một quyền lực tối cao để thay trời hành đạo. Trời có thể thưởng phạt, khen chê thiên tử. Khi thiên tử chịu mệnh trời hoặc có công đức thì trời sẽ xuất hiện những điềm lành biểu thị sự chúc mừng hoặc tán thưởng. Trái lại, nhà vua không có đức không sửa sang chính sự để cho đất nước suy yếu, nhân dân oán sầu thì trời sẽ biểu hiện sự không đồng tình hoặc trừng phạt bằng các hiện tượng tự nhiên như động đất, nhật thực, nguyệt thực, bão tố. Khách quan mà nói thì sự biến thiên của tự nhiên luôn tuân theo những quy luật khách quan. Nhưng với các nhà Nho thì họ nhìn sự thay đổi của xã hội, sự thịnh vượng suy yếu mà gán ghép giải thích các hiện tượng tự nhiên để chứng minh các hoạt động của con người hợp ý trời. Quan niệm thiên nhân cảm ứng tương đối phổ biến ở Việt Nam lúc bấy giờ. Tuy đặc trưng của tư tưởng Nho giáo không đề cao hư cấu, thái độ với quỷ thần thì "kính quỷ thần nhi viễn chi", nhưng chính học thuyết đề cao vai trò của Tâm, "vạn pháp duy tâm tạo" lại đề cao vai trò của trí tưởng tượng nhà văn, khuyến khích người viết vượt lên trên tình trạng ghi chép đơn giản hiện thực để hư cấu.

Phật giáo: là một tôn giáo trí tín, tất cả giáo lý Phật giáo đều có mục đích chung là nhằm khai mở trí tuệ của chúng sinh, giúp đỡ chúng sinh nhận thức đúng bản chất của thực tướng nhân sinh, từ đó đi đến giải quyết các phiền não khổ đau, đạt được giải thoát tự tại nên không thể mê tín dị đoan. Tuy nhiên, dần dần khi đi vào đời sống, với quan niệm tịnh độ, giáo hoá

thâm nhập vào đời sống người dân, các tăng ni cũng nghiên cứu thêm về Huyền học để giúp chúng sinh và phần nào cũng qua đó mà tuyên truyền, giáo hoá về Phật pháp. Đây là một bước ngoặt quan trọng cho sự phát triển của dự báo. Mặt khác, Phật giáo lúc xâm nhập vào Việt Nam chịu sự chi phối của văn hoá tín ngưỡng bản địa và một mặt nào đó là sự hoà trộn với Đạo giáo đã góp phần làm nền tảng cho sự ra đời của CPTDB: “Bên cạnh tư tưởng giải thoát bằng tâm linh thực nghiệm, chúng ta thấy trà trộn tư tưởng Dịch học có tinh thần ma thuật tướng số, pháp thuật thần thông hay tiên tri sấm kí là khuynh hướng rất thực tiễn, có hoài vọng chiếm đoạt huyền năng tạo hoá để phụng sự cho nền thịnh vượng quốc gia” [5, tr. 161]. Người Việt tiếp thu tinh thần văn hoá Bà la môn, Veda ở dân Chàm trước khi tiếp thu giáo lí của Phật. Văn hoá Bà la môn có khuynh hướng thần tiên, thiên nhiên và lễ nghi cầu đảo hơn là thuần túy luân lí và siêu hình. Cho nên chúng ta không lấy làm lạ khi ngành Thiên phát triển ở Việt Nam, vì ngành Thiên ở Phật giáo là có khuynh hướng thần bí nhất: “Phép thiên định nhằm mục tiêu tập trung tinh thần tư tưởng, tất cả sinh lực tâm linh kể từ sinh lí trở nên thành nhân diện, nhân thân. Khi tâm lực đã chuyên nhất, trí đã mở sáng thì người ta có thể mở ra nhiều năng lực siêu phàm mới lạ mà nhà tu luyện gọi là thần thông... Pháp thuật ấy gần với pháp thuật của Đạo giáo luyện khí, luyện đan để cầu trường sinh cửu thị ở đời này. Bởi vậy mà hai phái Đạo giáo và Thiên tông có thể hỗn hợp với nhau được. Xét thế ta khỏi thấy làm lạ các nhà sư sãi tu đạo Phật ở chùa mà cũng cúng cấp, cầu đảo, yểm bùa, thần chú, chài ngãi” [5, tr. 210-211] (Dẫn theo Trần Nho Thìn). Bên cạnh đó, học thuyết về kiếp, về cuộc sống sau cái chết và vấn đề tái sinh của Phật đã mở ra cho văn học trung đại một nguồn mạch tư duy hết sức phong phú.

Đạo giáo: Đạo giáo vào Việt Nam mang đầy đủ hai tính chất thần tiên và phù thủy. Trên cơ sở những lễ hiến tế ma thuật, sùng bái phép thuật của người dân Việt từ miền ngược đến miền xuôi thì Đạo giáo phù thủy tìm ngay được sự tương đồng nên đã nhanh chóng thâm nhập vào lớp tín ngưỡng bản địa. Người Việt tin vào các lá bùa, thần chú chữa bệnh tà ma nên rất tin vào các thầy mo, thầy cúng, pháp sư. Khi tiếp hợp Đạo giáo, tín ngưỡng bản địa được lên khuôn, việc dùng bùa phép, đuổi tà ma càng được tin hơn. Các thuật xem bói toán, xem phong thủy của Đạo giáo trở nên phổ biến trong đời sống tinh thần người Việt. Trong thế giới quan tâm linh người Việt, họ tin rằng số mệnh con người là do thần linh sắp đặt, từ đó dẫn đến tâm lí muốn biết trước tương lai, vì thế họ coi trọng những điều phán bảo của các Đạo nhân. Cũng từ quan niệm, trời đất đều có linh khí, sùng bái trời đất và kính ngưỡng tổ tiên, ông bà nên thuật phong thủy có chỗ đứng vững vàng trong đời sống người dân. Nếu Đạo giáo phù thủy chủ yếu gắn với tầng lớp bình dân với những khát vọng đậm màu sắc thế tục, nhân sinh liên quan đến tài lộc, sức khoẻ, nhân duyên thì Đạo giáo thần tiên lại gắn với tầng lớp quý tộc. Không vương bận bởi gánh nặng cơm áo, họ hướng đến những khát vọng xa xôi là được trường sinh bất tử, được đến cõi Bồng Lai, tiên cảnh. Những nhân vật đặc đạo, tiên nhân từ thế giới Đạo gia đến

nhân vật trong tác phẩm của VXTSTĐ đều là những người có tài phép, một trong những khả năng của họ là nhìn thấy tương lai con người trần gian. Triết học Lão Trang, triết học biện chứng tự nhiên, lại đặc biệt nhấn mạnh sự biến hoá qua lại giữa hai mặt đối lập, những hiện tượng pháp thuật phù phép để cứu cánh cho cuộc sống. Như vậy bên cạnh Nho giáo, Phật giáo thì Đạo giáo là một trong những cơ sở quan trọng hình thành nên dự báo trong văn hoá và văn học Việt Nam.

3. Kết luận

Ngoài tiền đề văn học (với sự ảnh hưởng của văn học Trung Hoa, văn học dân gian và bản thân nội tại của văn học trung đại) thì CPTDB trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp từ các tiền đề văn hóa, chính trị, xã hội lúc bấy giờ như: chế độ phong kiến quân chủ Việt Nam với chủ trương tuyên truyền tư tưởng thiên mệnh, dùng thần quyền để bảo vệ quyền lực; hiện thực thăng trầm của các triều đại; chính sách dùng người khoa cử được phát triển; đặc biệt trên nền văn hoá bản địa với tín ngưỡng thờ đa thần (nhân thần, nhiên thần); sự ảnh hưởng của các tư tưởng triết học Nho, Phật, Lão (trên khía cạnh tâm linh tín ngưỡng hơn là giáo lí, kinh viện). Sự xuất hiện hàng loạt, có hệ thống của CPTDB trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên mà nó là kết quả tác động của hàng loạt các tiền đề, yếu tố khách quan và chủ quan. Các yếu tố này sẽ góp phần giúp người đọc nhận diện và lý giải màu sắc riêng của các dự báo trong văn xuôi Việt Nam thời kỳ này và từ đó hiểu sâu hơn quan niệm của các nhà văn thời trung đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alexei V. (2013), “Chiêm tinh học và thuật bói toán tại Việt Nam cổ truyền”, (Ngô Bắc dịch), <http://tuvi.cohoc.net/chiem-tinh-hoc-va-thuat-boi-toan-tai-viet-nam-co-truyen-nid-216.html>, 20.12.2019
2. Phạm Tú Châu (2014), “Mối quan hệ giữa văn học và văn hóa tâm linh qua truyện *Đinh Tiên Hoàng ký* của Vũ Phương Đề”, Hội thảo khoa học *Văn học và văn hóa tâm linh*, Viện Văn học.
3. Trần Nghĩa (Chủ biên) (1997), *Tổng tập tiểu thuyết Việt Nam*, tập 1, 2, 3, 4, Nxb Thế giới, H.
4. Trần Nho Thìn (2008), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục, H.
5. Trần Nho Thìn (2012), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục Việt Nam, H.

6. Nguyễn Đăng Thục (1998), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, 7 tập, Nxb Tp Hồ Chí Minh.
7. Trương Đăng Trung (2014), “Mối quan hệ giữa quyền lực và diễn ngôn văn chương qua trường hợp *Lĩnh Nam chích quái*”, Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 2, tr. 89
8. Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần, người và đất Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin. H
9. Tạ Chí Đại Trường (2014), *Những bài dã sử Việt*, Nxb Tri thức. H
10. Ủy ban khoa học xã hội (1980), *Lịch sử văn học Việt Nam* (tập 1), Nxb Khoa học xã hội, H.

PREDICTION ISSUE IN VIETNAMESE MIDDLE-AGE NARRATIVE PROSE IN THE VIEW OF HISTORICAL AND SOCIOCULTURAL PREMISES

Tran Thi Thanh Nhi *

University of Education, Hue University, 34 Le Loi St., Hue city, Vietnam

Abstract. The appearance of prediction in Vietnamese Medieval narrative prose was not a random phenomenon but the result of many objective and subjective, endogenous and external factors. This article focuses on analyzing the socio-economic and cultural premises of the medieval period as the foundation for the formation of prediction in Vietnam's Medieval narrative prose.

Keywords: prediction, narrative prose, theocracy